



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội**

Laboratory: **Hanoi Technical Safety Registration Centre**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Sở Nội Vụ Thành phố Hà Nội**

Organization: **Hanoi Department of Home Affairs**

Số hiệu/ Code: **VILAS 989**

Chuẩn mực công nhận **ISO/IEC 17025:2017**

Accreditation criteria

Lĩnh vực: **Đo lường - Hiệu chuẩn**

Field: **Measurement - Calibration**

Người quản lý/ **Tạ Văn Hưng**

Laboratory manager:

Hiệu lực công nhận **Từ ngày /11/2025 đến ngày 14/09/2026**

Period of Validation:

Địa chỉ/ Address: **Số 144 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội**

No. 144 Tran Phu, Ha Dong ward, Hanoi city

Địa điểm/Location: **Số 144 Trần Phú, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội**

No. 144 Tran Phu, Ha Dong ward, Hanoi city

Điện thoại/ Tel: **024.33560257**

Email: **huynhkdhn@gmail.com**

Website: **www.kdhn.vn**

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 989

Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Nhiệt**

Field of calibration: **Temperature**

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)^{1/}</i>
1.	Nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự <i>Digital and analog thermometers</i>	(50 ~ 350) °C	ĐLVN 138:2004	0,42 °C
		(-20 ~ 50) °C		0,64 °C
2.	Thiết bị chỉ thị nhiệt độ hiện số và tương tự <i>Digital and analog temperature indicator</i>	Loại/ Type Pt 100 Ω (-200 ~ 800) °C	ĐLVN 160:2005	0,47 °C
		Loại/ Type TC-K (-200 ~ 1 200) °C		0,81 °C
		Loại/ Type TC-S Đến/ To 1 600 °C		0,81 °C
3.	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng (Nhúng một phần) <i>Liquid in glass thermometer (Partial immersion)</i>	(50 ~ 150) °C	ĐLVN 137:2004	1,1 °C

Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Áp suất**

Field of calibration: **Pressure**

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)^{1/}</i>
1.	Áp kế, chân không kế kiểu lò xo và hiện số <i>Pressure and vacuum gauge with digital and dial indicating type</i>	Đến/ To 20 bar	ĐLVN 76:2001	0,012 bar
		(20 ~ 400) bar		0,48 bar

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

VILAS 989

Chú thích/ Note:

- ĐLVN: Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam / *Vietnam technical metrology document*;
- ⁽¹⁾ Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits.*
- Trường hợp Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Hanoi Technical Safety Registration Centre that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

